

Bản án số: **29/2018/DS-ST**

Ngày 16-11-2018

“Kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hứa Thị Nhị.

2. Ông Điều Nhót.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Luân – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Đắk Song.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 250/2018/TLST-DS, ngày 01/8/2018 về việc kiện “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2018/QĐST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2018/QĐST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng chính sách xã hội (NHCSXH).

Trụ sở: Tòa nhà CC5- bán đảo Linh Đàm, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đinh Văn D – Giám đốc Chi nhánh NHCSXH phòng giao dịch huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ 1, thị trấn ĐA, huyện ĐS, tỉnh ĐN.

Bị đơn: Ông Huỳnh Thanh K; vắng mặt lần 2 không lý do.

Địa chỉ: Thôn 8, xã NJ, huyện ĐS, tỉnh ĐN.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Phan Thị Đ; Vắng mặt lần 2 không lý do.

2/ Anh Huỳnh Phan Trọng Q; vắng mặt lần 2 không lý do.

3/ Chị Huỳnh Phan Thị Lệ Q1; vắng mặt lần 2 không lý do.

Cùng địa chỉ: Thôn 8, xã NJ, huyện ĐS, tỉnh ĐN.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Hộ ông Huỳnh Thanh K, bà Phan Thị Đ được Ngân hàng chính sách xã hội cho vay nguồn vốn như sau:

Đợt 01: Khoản vay đối sinh viên chị Huỳnh Phan Thị Lệ Q1 (Con gái của ông K, bà Đ) sổ khế ước vay số 6000006400052421 thời hạn vay từ ngày 14/10/2010 đến ngày 14/03/2017, vay số tiền gốc là 18.600.000 đồng, lãi suất cho vay là 0,5%/tháng. Đã quá hạn trả nợ từ ngày 14/03/2017. Nay Ngân hàng Chính sách xã hội yêu cầu ông Huỳnh Thanh Kỳ, bà Phan Thị Đ và chị Huỳnh Phan Thị Lệ Q1 trả số tiền gốc 18.600.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 3.823.336 đồng (làm tròn số).

Đợt 02: Vay theo chương trình sinh viên có hoàn cảnh khó khăn đối với sinh viên Huỳnh Phan Trọng Q (Con trai ông K, bà Đ) sổ khế ước vay vốn 6000006400057889 thời hạn vay từ ngày 14/12/2011 đến ngày 14/03/2017 số tiền vay là 15.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 0,65%/tháng. Đã quá hạn trả nợ từ ngày 14/03/2017. Nay Ngân hàng Chính sách xã hội yêu cầu ông Huỳnh Thanh K, bà Phan Thị Đ và anh Huỳnh Phan Trọng Q trả số tiền gốc 15.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 3.459.715 đồng (làm tròn số).

Đợt 03: Vay theo diện hộ nghèo (vốn địa phương) sổ khế ước vay vốn 600000703941217 thời hạn vay từ ngày 14/04/2015 đến ngày 14/04/2018, số tiền vay là 20.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 0,6%/tháng. Đã quá hạn trả nợ từ ngày 14/04/2018. Nay Ngân hàng Chính sách xã hội yêu cầu ông Huỳnh Thanh K và bà Phan Thị Đ trả số tiền gốc 20.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 5.046.551 đồng (làm tròn).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn ông Huỳnh Thanh K, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Đ, chị Huỳnh Phan Thị Lệ Q1, anh Huỳnh Phan Trọng Q vắng mặt không chấp hành giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa lần 1 và phiên tòa lần thứ 2.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về nội dung vụ án phát biểu như sau:

Qua nghiên cứu đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng thì thấy: Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và việc thụ lý giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong vụ án: Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành chưa tốt cụ thể: Không chấp hành giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa lần 1 và lần 2 thể hiện việc không chấp hành pháp luật.

Về nội dung vụ án: Qua các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Ngân hàng chính sách xã hội khởi kiện bà ông Huỳnh Thanh K về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS. Bị đơn có nơi cư trú tại Thôn 8, xã NJ, huyện ĐS, tỉnh ĐN. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đăk Song theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đúng theo quy định tại Điều 173 của BLTTDS để thông báo thụ lý vụ án, triệu tập đương sự và các văn bản tố tụng khác cho đương sự. Do bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên tại phiên tòa ngày 23/10/2018 HĐXX đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của BLTTDS. Quyết định hoãn phiên tòa có thông báo thời gian mở lại phiên tòa đã tổng đạt hợp lệ cho các đương sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do. Như vậy, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 6, Điều 72 của BLTTDS. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS.

[3] Về hình thức và nội dung của hợp đồng: Khi cho vay tiền giữa ngân hàng Chính sách xã hội và ông Huỳnh Thanh K có ký sổ khế ước vay số 6000006400052421; số 6000006400057889 và số 600000703941217 có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự 2005 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và các văn bản bổ sung.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội HĐXX thấy rằng:

[4.1] Khoản vay đối sinh viên chị Huỳnh Phan Thị Lệ Q1 căn cứ vào sổ khế ước vay số 6000006400052421 thời hạn vay từ ngày 14/10/2010 đến ngày 14/03/2017, vay số tiền gốc là 18.600.000 đồng và khoản vay cho sinh viên anh Huỳnh Phan Trọng Q sổ khế ước vay số 6000006400057889 thời hạn vay từ ngày 14/12/2011 đến ngày 14/03/2017 số tiền vay là 15.000.000 đồng vay theo chương trình tín dụng “Đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn đang học đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và học nghề” quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ. Ông K, bà Đ là bố đẻ và mẹ đẻ của chị Q1, anh Q. Đến thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 14/03/2017 ông Huỳnh Thanh Kỳ, bà Phan Thị Đ, chị Huỳnh Phan Thị Lệ Q1 và anh Huỳnh Phan Trọng Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên cần buộc ông K, bà Đ và chị Q1 trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội 18.600.000 đồng tiền gốc; buộc ông K, bà Đ và anh Q trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội 15.000.000 đồng tiền gốc.

[4.2] Đối với khoản vay theo diện hộ nghèo (vốn địa phương) của ông K, bà Đ tại sổ khế ước vay vốn 600000703941217 thời hạn vay từ ngày 14/04/2015 đến ngày 14/04/2018 số tiền vay là 20.000.000 đồng vay theo chương trình tín dụng đối với “Hộ nghèo” quy định tại khoản khoản 1 Điều 2 Nghị định 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ. Đến thời hạn trả nợ Ông Huỳnh Thanh K, bà Phan Thị Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cuối cùng là 14/04/2018 nên cần buộc ông K, bà Đ trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền gốc 20.000.000 đồng tiền gốc.

[4.3] Về lãi suất:

+ Tiền lãi đối với khoản vay đối với sinh viên Huỳnh Phan Thị Lệ Q1 căn cứ vào sổ khế ước vay số 6000006400052421: Lãi trong hạn là 3.477.736 đồng; lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 16/11/2018 là 345.600 đồng. Tổng lãi 3.823.000 đồng (Ba triệu tám trăm ba mươi hai nghìn đồng) (làm tròn số).

+ Tiền lãi đối với khoản vay sinh viên Huỳnh Phan Trọng Q căn cứ vào sổ khế ước vay số 6000006400057889: Lãi trong hạn 2.809.515 đồng; lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 16/11/2018 là 650.200 đồng. Tổng tiền lãi là 3.460.000 đồng (Ba triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng) (làm tròn số).

+ Tiền lãi vay theo diện hộ nghèo (vốn địa phương) của ông K, bà Đ sổ khế ước vay vốn 600000703941217: Lãi trong hạn 4.459.551 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 16/11/2018 là 587.000 đồng. Tổng tiền lãi là 5.046.500 đồng (Năm triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm đồng) (làm tròn số).

Lãi suất phù hợp với quy định tại Điều 18 Nghị định 78/2002/NĐ-CP của Chính phủ; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng nên HĐXX cần chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản vay cho sinh viên chị Huỳnh Phan Thị Lệ Q1 $22.423.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.122.000 \text{ đồng}$ do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chấp nhận nên buộc ông K, bà Đ và chị Q1 phải nộp toàn bộ số tiền 1.122.000 đồng.

Án phí DSST đối với khoản vay cho sinh viên anh Huỳnh Phan Trọng Q $18.460.000 \text{ đồng} \times 5\% = 923.000 \text{ đồng}$, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chấp nhận nên buộc ông Kỳ, bà Đ và anh Q phải nộp toàn bộ số tiền 923.000 đồng.

Án phí DSST đối với khoản vay theo khế ước vay vốn số 600000703941217 của ông Huỳnh Thanh K, bà Phan Thị Đ là $25.046.500 \text{ đồng} \times 5\% = 1.252.000 \text{ đồng}$, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chấp nhận nên buộc ông Kỳ, bà Đ phải nộp toàn bộ số tiền 1.252.000 đồng.

[6] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 147; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 2, Điều 4, Điều 18 Nghị định 78/2002/NĐ-CP của Chính phủ; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; điểm a và b khoản 3 Điều

27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách xã hội.

+ Buộc ông Huỳnh Thanh K, bà Phan Thị Đ và chị Huỳnh Phan Thị Lệ Q1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền 22.423.000 đồng (Hai mươi hai triệu bốn trăm hai mươi ba nghìn đồng) (làm tròn số); trong đó nợ gốc là 18.600.000 đồng (Mười tám triệu sáu trăm nghìn đồng) và lãi trong hạn là 3.477.736 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sở thẩm ngày 16/11/2018 là 345.600 đồng. Tổng lãi 3.823.000 đồng (Ba triệu tám trăm ba mươi hai nghìn đồng) (làm tròn số) của khế ước vay số 6000006400052421.

+ Buộc ông Huỳnh Thanh Kỳ, bà Phan Thị Đ và anh Huỳnh Phan Trọng Q có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền 18.460.000 đồng (Mười tám triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng); trong đó nợ gốc là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) và lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sở thẩm ngày 16/11/2018 là 650.200 đồng. Tổng tiền lãi là 3.460.000 đồng (Ba triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng) (làm tròn số) của khế ước vay số 6000006400057889.

+ Buộc ông Huỳnh Thanh K và bà Phan Thị Đ có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền 25.046.500 đồng (Hai mươi lăm triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn đồng); trong đó nợ gốc là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và Lãi trong hạn 4.459.551 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sở thẩm ngày 16/11/2018 là 587.000 đồng. Tổng tiền lãi là 5.046.500 đồng (Năm triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm đồng) (làm tròn số) của khế ước vay vốn số 600000703941217.

Tiếp tục tính lãi theo lãi suất theo khế ước vay số 6000006400052421; khế ước vay số 6000006400057889 và theo khế ước vay vốn số 600000703941217 kể từ ngày 17/11/2018 cho đến khi thi hành xong số tiền trên.

Về án phí DSST:

+ Buộc ông Huỳnh Thanh K, bà Phan Thị Đ và chị Huỳnh Phan Thị Lệ Q1 phải nộp 1.122.000 đồng (*Một triệu một trăm hai mươi hai nghìn đồng*) đối với khoản vay cho sinh viên chị Huỳnh Phan Thị Lệ Q1.

+ Buộc ông Huỳnh Thanh K, bà Phan Thị Đ và anh Huỳnh Phan Trọng Q phải nộp 923.000 đồng (Chín trăm hai mươi ba nghìn đồng) đối với khoản vay cho sinh viên anh Huỳnh Phan Trọng Q.

+ Buộc ông Huỳnh Thanh K và bà Phan Thị Đ phải nộp 1.252.000 đồng (*Một triệu hai trăm năm mươi hai nghìn đồng*) đối với khoản vay hộ nghèo do ông Kỳ, bà Đ vay.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.”

Nơi nhận

- STP tỉnh Đắk Nông;
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THA huyện Đắk Song;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phan Xuân Hoàng